

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2022

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Về chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

Ngay từ đầu năm 2022, UBND tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai công tác chỉ đạo điều hành về phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh cải cách hành chính năm 2022; yêu cầu người đứng đầu các cấp, các ngành nâng cao vai trò, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, chủ động nghiên cứu, sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng giải pháp đổi mới trong tổ chức thực hiện làm khâu đột phá. Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm tầng nấc, rút ngắn thời gian giải quyết, nâng cao tính minh bạch, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, công dân và tiết kiệm chi phí xã hội.

Công tác theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh được tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thông qua việc xác định chỉ số cải cách hành chính và khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan nhà nước hằng năm¹. Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính của Người đứng đầu cơ quan các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2021.

Trên cơ sở đó, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện, đề ra các giải pháp cải thiện chỉ số cải cách hành chính của đơn vị mình trong năm 2022 và các năm tiếp theo. UBND tỉnh chỉ đạo việc theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh hằng năm; thực hiện các báo cáo định kỳ đúng thời gian quy định; khuyến khích việc đề xuất và triển khai các giải pháp mới trong công tác cải cách hành chính; tăng cường tuyên truyền và thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác cải cách hành chính đồng

¹ Kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2021 các cơ quan thuộc UBND tỉnh đạt 90,58%, UBND cấp huyện đạt 81,42%, các cơ quan Trung ương đạt 84%; Chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức năm 2021 đạt giá trị trung bình là 81,1% trong đó: Nhóm cơ quan thuộc UBND tỉnh đạt 83,76%, UBND cấp huyện đạt 80,94%; các cơ quan Trung ương đạt 78,68%.

thời xử lý triệt để các kiến nghị qua công tác kiểm tra, giám sát.

Theo kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021, tỉnh Bình Định tăng 26 bậc so với kết quả năm 2020, UBND tỉnh đã biểu dương sự nỗ lực, cố gắng của Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, đề xuất UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp khắc phục đối với các chỉ số giảm điểm, ảnh hưởng đến năng lực của tỉnh.

Theo kết quả công bố Chỉ số cải cách hành chính PAR INDEX năm 2021, tỉnh Bình Định đạt 86.70%, xếp hạng 30/63 tỉnh, thành phố (tăng 2.73 điểm và tăng 01 bậc so với năm 2020); Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính SIPAS năm 2021 đạt 87.67%, vị trí 23/63 tỉnh, thành phố, tăng 6 bậc so với năm 2020 (vị trí 29/63). Từ kết quả trên, UBND tỉnh đã chỉ đạo báo cáo phân tích, đánh giá kết quả đạt được của tỉnh Bình Định, giao Sở Nội vụ chủ trì, kiểm tra, đôn đốc, tổ chức thực hiện các giải pháp cụ thể để cải thiện hơn nữa kết quả các chỉ số cần khắc phục để nâng cao chỉ số cải cách hành chính tỉnh Bình Định trong thời gian đến.

Đến nay, UBND tỉnh đã xử lý 10/10 văn bản quy phạm pháp luật có nội dung chưa phù hợp với quy định pháp luật của trung ương theo kiến nghị kết luận kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; 100% số thủ tục hành chính được niêm yết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của các đơn vị được thường xuyên rà soát, cập nhật đảm bảo theo quy định; chỉ đạo việc bố trí, sắp xếp đối với cán bộ, công chức cấp xã chưa đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài chính ngân sách chưa đúng theo quy định; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên không tăng. Chỉ đạo tập trung thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2022.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 13/02/2022 về thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022 của tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 17/5/2022 nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Bình Định đến năm 2025. UBND tỉnh duy trì việc đối thoại trực tiếp và thường xuyên làm việc với doanh nghiệp, tạo diễn đàn “doanh nghiệp hỏi - cơ quan nhà nước trả lời” để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 20/12/2021 về cải cách hành chính tỉnh năm 2022 và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính theo kế hoạch đề ra. Đến nay, cơ bản hoàn thành 35/35 nhiệm vụ trên 6 lĩnh vực của nhiệm vụ cải cách hành chính đảm bảo mục tiêu chung theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Năm 2022, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tham

muu ban hành kế hoạch, chương trình, đề án đẩy mạnh cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ².

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

Triển khai Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022, Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính của tỉnh đã kiểm tra 02 cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh (Cục Hải quan, Cục Thuế), 03 sở, ngành thuộc UBND tỉnh, 06//11 UBND cấp huyện (Quy Nhơn, An Nhơn, Vĩnh Thạnh, Hoài Ân, Tuy Phước, Phù Cát); kiểm tra tại 16/159 UBND cấp xã. UBND tỉnh chỉ đạo Tổ kiểm tra công vụ của tỉnh tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan hành chính tỉnh Bình Định³, đã thực hiện 12 cuộc thanh tra và kiểm tra (có 04 cuộc thanh tra, 02 cuộc kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, 06 cuộc kiểm tra chuyên đề), tập trung vào kiểm tra việc chấp hành kỷ luật làm việc, các quy định về văn hóa công sở, việc thực thi nhiệm vụ, công vụ, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông.

Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo kiểm tra chuyên đề về công tác giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các UBND cấp huyện, cấp xã; phúc tra Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đã tiến hành khảo sát phúc tra Chỉ số PAPI năm 2021¹ tại 23 đơn vị, địa phương (gồm 03 huyện, thị xã, thành phố; 8 xã, phường; 12 thôn, khu phố). UBND tỉnh chỉ đạo Tổ kiểm tra công vụ của tỉnh tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan hành chính tỉnh Bình Định⁴.

Thực hiện theo Kế hoạch kiểm tra của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ năm 2022, UBND tỉnh đã nghiêm túc thực hiện báo cáo, các nội dung phục vụ cho công tác kiểm tra Đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về cải cách hành chính. Tuyên truyền định hướng chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ; các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính

² Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 phê duyệt Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 giai đoạn 2022 -2027”; Quyết định số 5359/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 ban hành Đề án đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 phê duyệt Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định” (Chỉ số DDCI); Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 17/5/2022 về cải thiện, nâng cao Chỉ số PCI của tỉnh; Quyết định 5151/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 Ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định, phiên bản 1.0; Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 08/3/2022 phát động phong trào thi đua cải cách hành chính giai đoạn 2022 – 2025; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 17/3/2022 về Truyền thông cải cách hành chính nhà nước năm 2022; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ-TW ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa (XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

³ Kế hoạch số 01/KH-TKT ngày 25/01/2022 của Tổ kiểm tra công vụ, UBND tỉnh.

⁴ Kế hoạch số 01/KH-TKT ngày 25/01/2022 của Tổ kiểm tra công vụ, UBND tỉnh.

phủ và Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025, các nội dung triển khai Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh năm 2022⁵.

Tỉnh đã phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam (VTV1) xây dựng phóng sự "Bình Định - Cải cách để thu hút đầu tư" trên chuyên mục cải cách hành chính. Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bình Định và các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh, nền tảng ứng dụng Zalo chuyên trang "Chính quyền điện tử Bình Định", Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định, Công dịch vụ đô thị thông minh đã thực hiện hơn 1.000 lượt tin, bài viết, phóng sự tuyên truyền về kết quả đánh giá Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số đo lường sự hài lòng của tổ chức, công dân (SIPAS), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2021, về kết quả đạt được của các nội dung thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022; tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp cho các tổ chức, công dân đến giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả về cách thức nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; tuyên truyền về "Ngày chuyển đổi số năm 2022"; một số địa phương (Hoài Ân, Vân Canh) đã tổ chức cuộc thi tìm hiểu về công tác cải cách hành chính; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tăng cường tuyên truyền khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến..

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Đến nay, tỉnh đã hoàn thành và thực hiện đúng thời hạn đối với 127/127 nhiệm vụ; không có nhiệm vụ trễ hạn, quá hạn, trong đó có 04 nhiệm vụ đang giải quyết trong hạn.

UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 4247/UBND-KSTT ngày 27 tháng 7 năm 2022 đôn đốc Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương chỉ đạo rà soát, hoàn thành các nhiệm vụ còn tồn đọng; đồng thời, nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác theo dõi, quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

Hội đồng nhân dân tỉnh và UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản để cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương; hoàn thiện đồng bộ các thể chế về kinh tế, hành chính, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển kinh tế xã hội, trọng tâm là chính sách về bồi thường giải phóng mặt bằng, khuyến khích, thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ xúc tiến thương mại, các quy định về phân cấp, ủy quyền, các quy định về cơ chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính, quản lý nhà nước.

⁵ UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 17/3/2022 về truyền thông công tác cải cách hành chính năm 2022.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 87/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 quy định thực hiện công khai minh bạch các quy định, cơ chế, chính sách bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 5162/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 về Chương trình trọng tâm công tác tư pháp năm 2022 để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước để trình HĐND và UBND tỉnh ban hành trong năm 2022 nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và góp phần phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/02/2021 về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi THTHPL trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): Việc tham mưu ban hành các văn bản quy định chi tiết các VBQPPL của cơ quan Nhà nước cấp trên: Từ ngày 15/12/2021 đến ngày 14/12/2022, HĐND, UBND các cấp ban hành 178 VBQPPL; trong đó, HĐND, UBND tỉnh ban hành 111 văn bản (27 Nghị quyết và 83 Quyết định); HĐND, UBND cấp huyện ban hành 67 văn bản (12 Nghị quyết và 55 Quyết định); HĐND, UBND cấp xã ban hành 0⁶ văn bản.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: UBND tỉnh ban hành và triển khai Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 về Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật (THTHPL) trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm cần theo dõi: thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19; về tự chủ đại học thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường; về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành⁷ và tổ chức kiểm tra, khảo sát THTHPL⁸ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương⁹. Qua kiểm tra, đã kịp thời phát hiện, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị, địa phương khắc phục những tồn tại, hạn chế, đồng thời, đề xuất, kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trên các lĩnh vực thực hiện theo dõi. Đồng thời, thực hiện Kế hoạch theo dõi THTHPL của

⁶ Số liệu được đính chính lại nhằm đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân: Một số đơn vị phương cấp xã báo nhầm số liệu về VBQPPL.

⁷ Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 07/7/2022.

⁸ Các lĩnh vực kiểm tra: Hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19; tự chủ đại học thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo (tự chủ về tài chính và tự chủ bộ máy, nhân sự); chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); Các lĩnh vực khảo sát: Hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19; chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU).

⁹ Các đơn vị được kiểm tra: Trường Đại học Quang Trung và Trường Đại học Quy Nhơn (lĩnh vực tự chủ đại học); UBND Tp. Quy Nhơn và UBND thị xã Hoài Nhơn (lĩnh vực hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19); UBND huyện Phù Cát và UBND huyện Phù Mỹ (lĩnh vực chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU)).

Bộ Tư pháp năm 2022, đã thực hiện theo dõi THTHPL trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động công chúng; lĩnh vực trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi THTHPL và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, UBND tỉnh đã giao Sở Tư pháp có Văn bản số 1183/STP-PBGDPL-TDTHPL ngày 11/11/2022 hướng dẫn, đề nghị các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện chế độ báo cáo công tác theo dõi THTHPL năm 2022.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 24/02/2022 về phổ biến luật mới và một số nội dung pháp luật về gia đình, trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 667/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh niên trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2030; Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 18/03/2022 ban hành Kế hoạch tổ chức Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật trực tuyến cho thanh niên năm 2022” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 24/5/2022 về thực hiện Đề án “Tuyên truyền, phổ biến trong cán bộ, công chức, viên chức (CCVC) và Nhân dân về nội dung của Công ước chống tra tấn và pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn” năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 07/6/2022 về tuyên truyền, phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 02/8/2022 về Phổ biến các văn bản luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 3; Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Nhằm nâng cao nhận thức của người dân, năm 2022, đã thực hiện biên soạn 30.000 Bản tin Tư pháp Bình Định, 26.200 tập tài liệu Hỏi - đáp pháp luật (về cư trú; bảo vệ môi trường; phòng, chống ma túy; phòng, chống tham nhũng; bảo hiểm xã hội; khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); 8.000 Tờ gấp pháp luật (về phòng, chống mua bán người; hôn nhân có yếu tố nước ngoài; nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài; sử dụng lao động, đưa người Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài) và 2.000 Sổ tay Hỏi - đáp pháp luật về hôn nhân và gia đình, phòng chống bạo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi... cấp phát miễn phí cho các đối tượng có liên quan trong triển khai thực hiện công tác PBGDPL; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định xây dựng 12 số tạp chí truyền hình Pháp luật và đời sống phát trên sóng truyền hình Bình Định với

tần suất phát sóng 01 số/tháng; tiếp tục vận hành có hiệu quả Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh.

Ngoài ra, tổ chức Ngày hội “Công dân với pháp luật” năm 2022; tổ chức Hội nghị hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam; khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong 10 năm triển khai thi hành Luật PBGDPL trên địa bàn tỉnh Bình Định (2012 – 2022); tổng kết, trao giải và khen thưởng tập thể, các nhân có thành tích xuất sắc trong Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật trực tuyến cho thanh niên năm 2022” trên địa bàn tỉnh.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa VBQPPL:

+ Về kiểm tra VBQPPL

Công tác tự kiểm tra: Thực hiện theo quy định tại Mục 2, Chương VIII Nghị định 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 154/2020/NĐ-CP), các sở, ban, ngành thuộc tỉnh thực hiện tự kiểm tra 111 văn bản (trong đó có 27 nghị quyết, 83 quyết định). Kết quả, các văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành đều đảm bảo về nội dung, hình thức và thẩm quyền ban hành theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

Công tác kiểm tra theo thẩm quyền: Từ 15/12/2021 đến 14/12/2022, đã thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 67/67 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện ban hành. Qua kiểm tra, trong năm 2022, chưa phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật về nội dung và thẩm quyền.

Công tác kiểm tra theo địa bàn: Ngày 14/01/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 151/QĐ-UBND v/v ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh; theo đó, Sở Tư pháp đã chủ trì tổ chức kiểm tra công tác xây dựng văn bản QPPL tại 02 đơn vị: UBND huyện Tuy Phước và UBND huyện Vân Canh.

+ Về công tác rà soát VBQPPL

Năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành thực hiện rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong năm 2021. Kết quả, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần năm 2021. Theo đó, công bố 82 văn bản hết hiệu lực toàn bộ và 20 văn bản hết hiệu lực một phần.

Ngoài ra, thực hiện theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, đã trình HĐND tỉnh ban hành các văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 12 nghị quyết; và trình UBND tỉnh ban hành các văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ 59 quyết định.

UBND các huyện, thị xã, thành phố cũng đã kịp thời tổ chức rà soát các văn bản do HĐND, UBND cùng cấp ban hành. Trên cơ sở kết quả rà soát, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành quyết định công bố Danh mục

văn bản QPPL của HĐND, UBND hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần theo quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo¹⁰ chuẩn bị các điều kiện bảo đảm thực hiện hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023. Theo đó, đề nghị các đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện một số nhiệm vụ như: Kịp thời xây dựng, ban hành và triển khai Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023; tập trung nguồn lực, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong năm 2023; UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Phòng Tư pháp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 của UBND cấp xã theo quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo điều hành nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng của công tác kiểm soát TTHC gắn với giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và công tác cải cách TTHC, chỉ đạo xây dựng Đề án “Thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp đảm nhận nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh”; xây dựng Đề án “Thực hiện thí điểm việc đổi mới, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bình Định”. Kết quả đạt được như sau:

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:

Thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2022¹¹, Chủ tịch UBND tỉnh thông qua Phương án đơn giản hóa cắt giảm thời hạn giải quyết, thành phần hồ sơ đối với 37 TTHC thuộc phạm vi rà soát, đánh giá cắt giảm thời hạn giải quyết, thành phần hồ sơ của 14 cơ quan, đơn vị¹² với số tiền tiết kiệm hơn 1,7 tỷ đồng, tỷ lệ chi phí tiết kiệm được từ 9,48 % đến 64,5%.

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 93 Quyết định công bố Danh mục 799 TTHC (ban hành mới 126 TTHC, sửa đổi, bổ sung 569 TTHC, thay thế 10 TTHC, bãi bỏ 94 TTHC); đồng thời, đã thực hiện việc tích hợp dữ liệu và nhập sửa đổi, bổ sung thông tin các TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo quy định; ban hành 94 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 149 TTHC liên thông và 305 TTHC không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành.

UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ ngành Nội vụ¹³; công bố Danh mục báo cáo định kỳ ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh Bình Định¹⁴;

¹⁰ Công văn số 4195/UBND-NC ngày 22/7/2022 của UBND tỉnh.

¹¹ Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022.

¹² Gồm các Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh (4 TTHC) và các Sở: Tài chính (01 TTHC), Giao thông vận tải (01 TTHC), Du lịch (01 TTHC), Xây dựng (05 TTHC), Giáo dục và Đào tạo (01 TTHC), Văn hóa và Thể thao (01 TTHC), Lao động – Thương binh và Xã hội (01 TTHC), Tài nguyên và Môi trường (03 TTHC), Thông tin và Truyền thông (01 TTHC), Tư pháp (02 TTHC), Công Thương (02 TTHC), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 TTHC), Nội vụ (08 TTHC) và Văn phòng UBND đã thực hiện rà soát độc lập 04 thủ tục hành chính lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh.

¹³ Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh.

¹⁴ Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh.

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Báo cáo¹⁵ tình hình thực hiện việc đánh giá tác động chính sách, đánh giá tác động TTHC trong đề nghị, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong 6 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh. Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành văn bản¹⁶ hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025, và văn bản hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí đánh giá phường, thị trấn và thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh¹⁷.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

UBND tỉnh ủy quyền¹⁸ cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh thực hiện một số TTHC liên quan đến lĩnh vực Môi trường nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo, bất cập nhiều khâu, nhiều bước trong giải quyết TTHC, giảm việc đi lại, rút ngắn thời gian, chi phí của tổ chức, công dân và doanh nghiệp; văn bản¹⁹ chỉ đạo việc triển khai Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp với nhiều nhiệm vụ mang tính đổi mới gắn với chuyên đổi số.

Triển khai Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành văn bản²⁰ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương quán triệt việc nghiên cứu các nội dung Bộ chỉ số, theo dõi, quản lý kết quả đánh giá chất lượng công tác giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị mình và kịp thời đôn đốc, nhắc nhở, chấn chỉnh việc thực hiện. Đồng thời, triển khai: (i) rà soát, tham mưu chuẩn hóa, điều chỉnh quy trình giải quyết TTHC đảm bảo đúng thời hạn giải quyết (thời hạn theo “ngày” hoặc “ngày làm việc”) theo phương pháp đánh giá quy định tại Quyết định nêu trên²¹; (ii) rà soát, tái cấu trúc quy trình nội bộ đối với các TTHC giải quyết trong ngày nhằm đơn giản hóa các bước xử lý hồ sơ trên Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh, góp phần hạn chế tình trạng hồ sơ bị phản ánh trạng thái trễ hạn trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh công bố chuẩn hóa thời hạn giải quyết đối với 37 TTHC thuộc phạm vi quản lý của 07 cơ

¹⁵ Báo cáo số 98/BC-UBND ngày 21/6/2022

¹⁶ Công văn số 6958/UBND-KSTT ngày 21/11/2022

¹⁷ Công văn số 559/VPUBND-KSTT ngày 17/10/2022

¹⁸ Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 08/3/2022; Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/6/2022

¹⁹ Công văn số 6958/UBND-KSTT ngày 21/11/2022

²⁰ Công văn số 4638/UBND-KSTT ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh.

²¹ Báo cáo số 270/BC-VPUBND ngày 24/5/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về một số nhiệm vụ liên quan đến việc rà soát, xác nhận thông tin thời gian giải quyết TTHC theo “NGÀY” hoặc “NGÀY LÀM VIỆC” phục vụ việc đánh giá chất lượng giải quyết hồ sơ TTHC của tỉnh. Công văn số 2916/UBND-KSTT ngày 31/5/2022 chỉ đạo khắc phục một số tồn tại và nâng cao chất lượng tham mưu công bố TTHC. Công văn số 290/VPUBND-KSTT ngày 01/6/2022 của Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn khắc phục một số tồn tại và nâng cao chất lượng tham mưu công bố TTHC.

quan²² theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, phê duyệt quy trình tái cấu trúc đối với 54 TTHC thuộc phạm vi quản lý của 07 cơ quan²³.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: UBND tỉnh chỉ đạo quyết liệt, chấn chỉnh việc giải quyết hồ sơ TTHC trễ hẹn tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; trong đó có giải pháp định kỳ hàng tháng công khai danh sách tổ chức, cá nhân giải quyết chậm/muộn hồ sơ TTHC kể từ tháng 4 năm 2022²⁴. Đến nay, tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trước hạn, đúng hạn đạt 99,74% tăng 0,89 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2021. Từ ngày 15/12/2021 đến hết ngày 14/12/2022, toàn tỉnh đã giải quyết 574.426 hồ sơ, số lượng hồ sơ được giải quyết trước và đúng hạn là 572.952 hồ sơ (đạt 99.7%).

- Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: UBND tỉnh đã phê duyệt Quyết định số 4023/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai công tác số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh. Văn phòng UBND tỉnh đã hoàn thiện các chức năng trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh đảm bảo đáp ứng đúng các nội dung yêu cầu về nghiệp vụ số hóa được Văn phòng Chính phủ hướng dẫn tại Công văn số 9318/VPCP-KSTT ngày 21 tháng 12 năm 2021.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong năm 2022, đã tiếp nhận 46 PAKN gửi qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; trong đó, đã xử lý và đăng tải công khai 42 PAKN theo đúng quy định, đang giải quyết trong hạn 04 PAKN.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII), các quy định và văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung ương. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ²⁵; ban hành Công văn triển khai thực hiện nội dung Công điện số 209/CD-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; báo cáo Bộ Nội vụ kết quả sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, 05 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII; đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp về cơ chế quản lý,

²² Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 TTHC), Sở Thông tin Truyền thông (07 TTHC), Sở Tư pháp (03 TTHC), Ban Quản lý Khu kinh tế (05 TTHC), Sở Kế hoạch và Đầu tư (02 TTHC), Sở Xây dựng (04 TTHC), Sở Tài nguyên và Môi trường (14 TTHC).

²³ Sở Tư pháp (23 TTHC), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 TTHC), Sở Giao thông vận tải (01 TTHC), Sở Nội vụ (17 TTHC), Sở Kế hoạch và Đầu tư (03 TTHC), Sở Y tế (02 TTHC), Sở Tài nguyên và Môi trường (02 TTHC)

²⁴ Theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2206/UBND-KSTT ngày 26/4/2022

²⁵ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40- KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị

sắp xếp, tổ chức lại và thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Bộ Nội vụ tại Công văn số 3567/BNV-TCBC ngày 29/7/2022

- Sắp xếp tổ chức các tổ chức hành chính nhà nước

Trên địa bàn tỉnh Bình Định có 20 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, trong đó: 17 sở²⁶ được tổ chức theo quy định Nghị định số 24/2014/NĐ-CP; 03 sở đặc thù: Ngoại vụ, Du lịch và Ban Dân tộc. Số tổ chức hành chính nhà nước khác thuộc UBND cấp tỉnh có 02 cơ quan²⁷; với 136 tổ chức bên trong: 122 phòng chuyên môn thuộc sở, ban, ngành và 14 Chi cục/ban và tương đương. Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ, UBND tỉnh Quyết định phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc và trực thuộc 05 cơ quan²⁸, theo đó, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh giảm 08 Phòng (01 Phòng chuyên môn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ và 07 Phòng thuộc Chi cục²⁹).

UBND tỉnh đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đối với 37 cơ quan, đơn vị³⁰, trong đó có 16 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh³¹; phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm của 04 cơ quan, đơn vị³².

- Sắp xếp, tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập:

Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, trực thuộc Sở, ban ngành

²⁶ Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Thanh tra tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh

²⁷ Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định và Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

²⁸ Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

²⁹ gồm: 04 phòng thuộc các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 01 phòng thuộc Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; 02 phòng thuộc Chi cục Bảo vệ môi trường và Chi cục Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

³⁰ 14 cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Ngoại vụ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc; Sở Y tế; Sở Tài chính; Sở Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Văn phòng UBND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;

19 đơn vị: Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Chi cục Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Bình Định trực thuộc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Bình Định; Chi cục Bảo Quản lý đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Dịch vụ việc làm Bình Định, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định; Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Bình Định; Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Định và 11 Trung tâm Y tế trực thuộc Sở Y tế: Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn, Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn, Trung tâm Y tế huyện Tây Sơn, Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân; Trung tâm Y tế huyện Phù Cát, Trung tâm Y tế huyện An Lão, Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh, Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ, Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước Tuy Phước, Trung tâm Y tế huyện Vân Canh, Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn.

³¹ Sở Tư pháp; Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Ngoại vụ; Ban Dân tộc; Sở Lao động - Thương binh & Xã hội; Sở Y tế; Sở Tài chính; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Công Thương; Sở Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

³² Sở Giáo dục và Đào tạo; Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Bình Định; Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định; Trung tâm Khám phá khoa học và Đổi mới sáng tạo trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

tính đến nay là 733 đơn vị; giảm được 140 đơn vị sự nghiệp công lập³³, tương ứng giảm 16,04% số đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015, đạt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Năm 2022, UBND tỉnh đã quyết định tổ chức lại Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh trực thuộc UBND tỉnh thành Trung tâm Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư³⁴. Theo đó, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có 07 đơn vị (giảm 01 đơn vị, so với năm 2021); đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, ban, ngành có 125 đơn vị; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện 601 đơn vị; kiện toàn Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; phê duyệt sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, với kết quả: *đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở*: Giảm 03 phòng và 03 Trạm và 02 bến cá; *đối với các tổ chức sự nghiệp thuộc các Chi cục thuộc Sở*: Giảm 05 trạm trực thuộc (do giải thể 01 trạm, hợp nhất 06 trạm thành 02 trạm liên huyện).

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức:

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc và hợp đồng lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2022³⁵.

Năm 2022, UBND tỉnh thực hiện giải quyết chính sách tinh giản biên chế đối với 72 công chức, viên chức (27 công chức, 45 viên chức) với tổng kinh phí chi trả là 10.978.229.502 đồng; ban hành các văn bản hướng dẫn xác định tuổi để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Nghị định số 143/2020/NĐ-CP.

- Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương: Thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện việc đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực trên cơ sở xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm giữa UBND tỉnh với các sở, ngành và UBND cấp huyện đảm bảo sự quản lý thống nhất, phát huy được tính chủ động, trách nhiệm và tinh thần sáng tạo của các sở, ngành và các cấp chính quyền địa phương, khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm; đồng thời qua đó nâng cao trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn kiểm tra, thanh tra trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được phân cấp góp phần thực hiện tốt việc cải cách hành chính và hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - chính trị trên địa bàn tỉnh.

³³ Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: giảm 39 trường; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: giảm 06 đơn vị; lĩnh vực y tế: giảm 18 đơn vị; sự nghiệp khoa học và công nghệ: giảm 02 đơn vị; lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao: giảm 16 đơn vị; lĩnh vực thông tin - tuyên truyền: giảm 01 đơn vị; lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: giảm 60 đơn vị.

³⁴ Quyết định số 3708/QĐ-UBND ngày 10/11/2022

³⁵ Tổng số biên chế công chức: 2.205 biên chế; tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 26.479 người, tổng số hợp đồng lao động: 758 người (Cơ quan hành chính là 159 người, các đơn vị sự nghiệp công lập là 599 người).

UBND tỉnh chỉ đạo việc rà soát, thực hiện việc đẩy mạnh phân cấp trên các lĩnh vực quản lý nhà nước như: Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bình Định; Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 – 2025; Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập; Quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên Khai thác khoáng sản; Phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công; Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025; Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường địa phương trên địa bàn tỉnh; Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Y tế; các quy định về phân cấp trên lĩnh vực xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đô thị; quản lý công trình thủy lợi;.....

4. Cải cách chế độ công vụ

Tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “*về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*”; Kế hoạch số 15-KH/TU ngày 27/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.

UBND tỉnh đã ban hành: Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Bình Định; Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025; Quy chế quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh; kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016-2021; chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức tỉnh; Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức luân chuyển, điều động trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo việc đổi mới công tác đánh giá cán bộ; triển khai Kế hoạch số 15-KH/TU ngày 27/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số

14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung.

- UBND tỉnh quyết định xếp loại chất lượng đối với tập thể các cơ quan, đơn vị năm 2021 đối với 27.847 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 8.047 người, hoàn thành tốt nhiệm vụ: 19.014 người; hoàn thành nhiệm vụ: 680; không hoàn thành nhiệm vụ: 106 người. Trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, xếp loại đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2021: đối với Giám đốc Sở và tương đương: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 7/33 (21,21%), hoàn thành tốt nhiệm vụ: 26/33 (78,78%); đối với Phó Giám đốc Sở và tương đương: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 4/62 (6,45%), hoàn thành tốt nhiệm vụ 58/62 (93,54%).

- UBND tỉnh trình Ban cán sự đảng UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 01-KH/BCS ngày 25/5/2022 thực hiện công tác quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2026-2031. Theo đó, đã thẩm định quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ 2026 - 2031, 30 cơ quan, đơn vị (21/21 cơ quan hành chính; 8/8 đơn vị sự nghiệp; Liên minh Hợp tác xã tỉnh) với tổng số 196 lượt cán bộ được phê duyệt (62 cấp trưởng và 134 cấp phó), trong đó có 41 lượt cán bộ nữ (cấp trưởng có 13 cán bộ nữ, tỷ lệ 21% và cấp phó có 28 cán bộ nữ, tỷ lệ 21%). Đến nay đã có 13/20 cơ quan chuyên môn; 04/07 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh đã phê duyệt quy hoạch lãnh đạo cấp phòng và tương đương giai đoạn 2026 - 2031, với tổng số 984 lượt công chức, viên chức (371 cấp trưởng phòng và 523 cấp phó trưởng phòng), trong đó có 393 lượt cán bộ nữ (cấp trưởng có 139 cán bộ nữ, tỷ lệ 37%; cấp phó có 254 cán bộ nữ, tỷ lệ 49%).

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:

UBND tỉnh đã chỉ đạo, quán triệt các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các quy trình, thủ tục về công tác cán bộ bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch, theo các quy định của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục thực hiện kiện toàn, sắp xếp đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh bảo đảm kịp thời, đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc quy định số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, đã bố trí 53/60 Phó Giám đốc sở và tương đương của 20 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (trung bình 2,65 cấp phó/Sở). Bổ nhiệm 07 lãnh đạo sở và tương đương (02 Giám đốc và 05 Phó Giám đốc); bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ 07 Phó Giám đốc Sở và tương đương (bổ nhiệm lại 06 cán bộ; kéo dài thời gian giữ chức vụ 01 cán bộ) và thực hiện quy trình bổ nhiệm 02 Phó Giám đốc Sở (Sở Xây dựng, Sở Công Thương). Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới trong công tác cán bộ, đến nay ở cấp tỉnh đã có 12/20 cơ quan chuyên môn có Phó Giám đốc Sở là nữ (tỷ lệ 60%), đạt chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2025.

Theo thẩm quyền phân cấp, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với 98 công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc phạm vi quản lý (bổ nhiệm, điều động và bổ nhiệm 65 người; bổ nhiệm lại 33 người).

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức: Công tác tuyển dụng công chức, viên chức đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương quán triệt, triển khai thực hiện theo đúng các quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 và Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/11/2020 của Chính phủ và thẩm quyền phân cấp. UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025. Việc tuyển dụng gắn với chỉ tiêu biên chế được giao và vị trí việc làm theo yêu cầu nhiệm vụ. Kết quả, đã thực hiện quy trình tiếp nhận viên chức, cán bộ, công chức cấp xã vào làm công chức đối với 30 trường hợp, trong đó có 18 trường hợp thông qua kiểm tra, sát hạch và 12 trường hợp không thông qua kiểm tra, sát hạch (có 11 trường hợp để bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý và 01 trường hợp đã là công chức). Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức đối với 694 trường hợp.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: UBND tỉnh tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên ngạch chuyên viên chính và tương đương năm 2022. Kết quả có 226 trường hợp trúng tuyển được bổ nhiệm vào ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp chuyên viên và tương đương theo quy định (8 trường hợp nâng ngạch chuyên viên cao cấp, 175 trường hợp nâng ngạch chuyên viên chính, 26 trường hợp nâng ngạch chuyên viên, 12 trường hợp nâng ngạch kiểm lâm viên, 05 trường hợp nâng ngạch kế toán viên); 112 trường hợp được thăng hạng viên chức (36 trường hợp thăng hạng chức danh chuyên viên chính, 59 trường hợp thăng hạng chức danh chuyên viên, 17 trường hợp thăng hạng viên chức ngành Y tế hạng II).

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương: Tăng cường thanh tra, kiểm tra kịp thời phát hiện và đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức. Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo Tổ kiểm tra công vụ của tỉnh tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan hành chính tỉnh Bình Định năm 2022, từ đầu năm đến nay, đã tiến hành 04 đợt thanh tra, kiểm tra và kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại 65 cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh³⁶; tập trung vào kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, việc thực thi nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, việc giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp và trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh trong công tác chỉ đạo, kiểm tra thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; tổ chức thực hiện văn hóa công sở; tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân.

Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ để phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực của công chức, viên chức chuyên môn khi tiếp xúc, tham mưu giải

³⁶ Kiểm tra tại UBND thành phố Quy Nhơn, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Tuy Phước, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện; UBND các xã, phường, thị trấn tại các huyện: Thành phố Quy Nhơn, Tuy Phước, Phù Cát, Hoài Nhơn, Tây Sơn, An Nhơn, Vân Canh, Phù Mỹ, An Lão.

quyết công việc đối với một số lĩnh vực công tác³⁷.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2022, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp tổ chức 10 lớp đào tạo, bồi dưỡng dành cho cán bộ, công chức, viên chức với 1.110 học viên. Đồng thời, đã cử đi đào tạo trình độ sau đại học đối với 12 công chức, viên chức; bồi dưỡng ở nước ngoài theo đề án của Bộ Nội vụ đối với 01 cán bộ nữ; đã cử 16 trường hợp đi học bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp, 03 trường hợp tham gia khóa bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp Sở. Tổng kinh phí thực hiện là 2.210.000.000 đồng. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức 65 lớp tập huấn nghiệp vụ với 3.131 lượt người tham dự.

- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở địa phương: UBND tỉnh ban hành hướng dẫn thực hiện Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 ban hành Quy định về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016 -2021. UBND tỉnh phê duyệt danh sách được hưởng chính sách thu hút đối với 16 bác sĩ, dược sĩ.

5. Về cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách:

Công tác quản lý, phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh đã bám sát, tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; từng bước khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, nợ đọng xây dựng cơ bản, chống thất thoát, lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công theo đúng mục tiêu, định hướng của quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm tính công khai, minh bạch.

Các cấp chính quyền, các cơ quan, đơn vị nhà nước đã thực hiện đầy đủ các quy định về công khai ngân sách nhà nước, tài chính của cơ quan, đơn vị; tăng cường trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc thanh, quyết toán tài chính, thanh tra, giám sát về thu, chi ngân sách hàng năm; minh bạch hóa hoạt động thu phí, lệ phí phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

+ Về thu ngân sách nhà nước (ước tính đến 31/12/2022)

Tổng thu ngân sách nhà nước phát sinh trên địa bàn (chưa kể thu vay, huy động đóng góp, thu bổ sung từ ngân sách Trung ương) ước thực hiện 16.551.839 triệu đồng, vượt 35,6% so với dự toán, tăng 13,7% so cùng kỳ năm 2021. Trong đó, thu nội địa ước thực hiện 15.480.000 triệu đồng, vượt 39% dự toán năm (sau khi điều chỉnh), tăng 17,2% so với cùng kỳ.

Trong cơ cấu nguồn thu, có 15/17 khoản thu thực hiện đạt và vượt dự toán

³⁷ Các sở, ngành như: Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, Thanh tra tỉnh, Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện tốt việc chuyển đổi vị trí công tác các phòng chuyên môn; ngành Giáo dục thực hiện luân chuyển, điều động hiệu trưởng các trường trung học phổ thông giữ chức vụ không quá hai nhiệm kỳ...; các địa phương: An Nhơn, Hoài Nhơn, An Lão, Tây Sơn, Tuy Phước đã tăng cường chuyên đổi vị trí công tác đối với công chức cấp xã, viên chức làm kế toán trong các cơ sở giáo dục công lập.

được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, cụ thể: thu từ DNNN Trung ương (vượt 31,4%); thu từ DNNN địa phương (đạt 100% dự toán); thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh (vượt 14,6%); lệ phí trước bạ (vượt 37,5%); thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (vượt 35%); thuế thu nhập cá nhân (vượt 130%); thu phí và lệ phí (vượt 14,7%); thu tiền sử dụng đất (vượt 75%); tiền cho thuê mặt đất, mặt nước (vượt 76,4%); thu tiền bán, cho thuê, khấu hao nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (vượt 18,8 lần); thu cấp quyền khai thác khoáng sản (đạt 100% dự toán); thu tại xã (vượt 72%); thu khác ngân sách tính cân đối (vượt 35,3%); thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (đạt 100% dự toán); thu xổ số kiến thiết (vượt 7,7%).

+ Về chi ngân sách địa phương (ước tính đến 31/12/2022)

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 19.205.268 triệu đồng, vượt 12,1% so với dự toán, tăng 6,2% so với cùng kỳ. Trong đó, chi ngân sách tỉnh 9.685.258 triệu đồng, vượt 2,3% dự toán năm và chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố (kể cả ngân sách xã, phường, thị trấn) 9.520.010 triệu đồng, vượt 24% dự toán năm.

Chi đầu tư phát triển: ước thực hiện 7.819.164 triệu đồng, đạt 135,9% dự toán năm và tăng 23,8% so với cùng kỳ.

Chi thường xuyên: Ước thực hiện 7.981.949 triệu đồng, đạt 100% dự toán năm và bằng 88,1% so với cùng kỳ.

+ Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công: Kế hoạch vốn năm 2022 (tính đến ngày 01/12/2022): 19.614.898 triệu đồng và đã thanh toán 12.207.074 triệu đồng, đạt 62,2% so với kế hoạch.

- Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Các cấp chính quyền, các cơ quan, đơn vị nhà nước đã thực hiện đầy đủ các quy định về công khai ngân sách nhà nước, tài chính của cơ quan, đơn vị; tăng cường trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc thanh, quyết toán tài chính, thanh tra, giám sát về thu, chi ngân sách hàng năm; minh bạch hóa hoạt động thu phí, lệ phí phục vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành: Công văn số 162/UBND-TH ngày 10/01/2022 về thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Định; Công văn số 1951/UBND-TH ngày 14/04/2022 về thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với Báo cáo quyết toán NSNN năm 2019 và các năm trước; Công văn số 2483/UBND-TH ngày 10/05/2022 về thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh Bình Định; Công văn số 5906/UBND-TH ngày 12/10/2022 về việc thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Bình Định.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:

+ Về phân cấp quản lý và sử dụng tài sản công: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày

20/7/2018 của UBND tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định.

+ Về công tác mua sắm tập trung: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 12/02/2022 về việc ban hành Danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định (thay thế Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 13/5/2019 của UBND tỉnh). Trong năm 2022, tổng hợp nhu cầu đăng ký mua sắm tập trung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tổ chức đấu thầu 06 gói thầu mua sắm tập trung qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia với tổng giá gói thầu là 81,18 tỷ đồng, tổng giá trị trúng thầu là 79,38 tỷ đồng, số tiền tiết kiệm cho ngân sách nhà nước là 1,8 tỷ đồng.

+ Về phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê: Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn và phê duyệt điều chỉnh đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn.

+ Về công tác sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất: UBND tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý 276 cơ sở nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định. Theo đó, Sở Tài chính đã thực hiện bán đấu giá thành công 05 ngôi nhà thuộc sở hữu nhà nước và nộp ngân sách nhà nước số tiền là 60.093.054.000 đồng.

+ Về công tác sắp xếp lại, xử lý xe ô tô: Công tác sắp xếp, xử lý xe ô tô phục vụ các chức danh và xe ô tô phục vụ công tác chung đã cơ bản hoàn thành. Trong đó, số lượng xe ô tô giữ lại tiếp tục sử dụng theo quy định 419 xe và 09 xe dôi dư đang thực hiện xử lý theo quy định.

+ Về công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công: Chỉ đạo thực hiện đúng quy định việc cập nhật và chuẩn hóa dữ liệu trong Phần mềm Quản lý tài sản công phục vụ Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022 trên địa bàn tỉnh theo ý kiến chỉ đạo của Bộ Tài chính.

- Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến nay, 100% cơ quan hành chính cấp huyện, cấp tỉnh và 100% xã, phường, thị trấn đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập: Trong năm 2022, UBND tỉnh phê duyệt Phương án tự chủ về tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ đối với 90 đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể: 07 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 11 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 54 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 18 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Việc chuyển các đơn vị sự nghiệp đảm bảo một phần sang tự đảm bảo chi thường xuyên: Số đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện thay thế trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp: 12 đơn vị³⁸.

UBND tỉnh phê duyệt danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương để cung ứng dịch vụ theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định, đồng thời thực hiện phê duyệt quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực. Việc triển khai giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập đã mang lại một số kết quả tích cực. Nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập cùng với nguồn kinh phí tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên NSNN giao đã góp phần bảo đảm bù đắp một phần nhu cầu tiền lương tăng thêm theo quy định của Chính phủ.

- Về thực hiện kế hoạch chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện thành công ty cổ phần: Tỉnh đã được phê duyệt 01 đơn vị sự nghiệp công lập là Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải Bình Định thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần với cơ cấu vốn nhà nước còn nắm giữ sau khi chuyển đổi là 45% vốn điều lệ, thời gian thực hiện 2021-2025; báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ cho phép không đưa 02 đơn vị sự nghiệp là Trung tâm Giống cây trồng Bình Định và Ban Quản lý Cảng cá Bình Định vào danh mục đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thành công ty cổ phần vì 02 đơn vị này không thuộc ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Chỉ đạo thực hiện Công văn số 8337/VPCP ngày 13/11/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Bình Định chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2021-2025³⁹.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản làm cơ sở định hướng cho việc triển khai thực hiện. Nổi bật như Nghị quyết về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021); Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bình Định (QĐ số 565-QĐ/TU ngày 20/4/2022 của Tỉnh ủy); Quy chế làm việc của BCĐ chuyển đổi số tỉnh Bình Định (Quy chế số 01-QC/BCĐ ngày 27/7/2022); Thông báo phân công nhiệm vụ BCĐ chuyển đổi số tỉnh Bình Định (Thông báo số 02-TB/BCĐ ngày 27/7/2022); Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch chuyển đổi số năm 2022; Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định

³⁸ gồm: Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn; Trung tâm GDTX tỉnh; Phòng Công chứng số 1, số 2, số 3; Trung tâm Bản đồ địa chất địa mạo; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Trung tâm Quy hoạch nông nghiệp nông thôn; Bệnh viện Mắt; Bệnh viện Đa Khoa tỉnh; Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Bồng Sơn; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh

³⁹ Chính phủ yêu cầu UBND tỉnh hoàn thiện Danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành Công ty cổ phần giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định tại Nghị định số 150/2020/NĐ-CP.

đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh...

- Kết quả xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật: Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II được triển khai, kết nối đến 48 cơ quan, đơn vị là các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; và kết nối đến 159/159 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Các hệ thống thông tin Dịch vụ công và một cửa điện tử tỉnh; Hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Data Center của tỉnh được đầu tư, nâng cấp, từng bước hoàn thiện. Đến nay, hệ thống máy chủ, thiết bị về an toàn bảo mật thông tin và trang thiết bị CNTT cơ bản đáp ứng và đảm bảo cho hoạt động các hệ thống thông tin của tỉnh (hệ thống văn phòng điện tử, thư điện tử, các trang thông tin điện tử).

- Kết quả xây dựng và phát triển dữ liệu: UBND tỉnh có Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 ban hành Danh mục dữ liệu mở địa phương. Theo đó, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang Thông tin điện tử thành phần đã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, đảm bảo truy cập thuận tiện, công khai thông tin tới người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại, hiện nay đạt trên 20% (Văn phòng điện tử, Dịch vụ công, Doanh nghiệp, Tài chính, Tư pháp, Bảo hiểm xã hội, Tài nguyên môi trường, thanh toán ngân hàng...). Đồng thời xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh (tại địa chỉ <https://opendata.binhdingh.gov.vn>) và đưa vào vận hành hoạt động theo Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh.

Thực hiện nâng cấp, tích hợp các tiện ích, nền tảng số trong các lĩnh vực du lịch, y tế, giáo dục, giao thông vào Cổng Dịch vụ công của tỉnh đảm bảo thực hiện xác thực, định danh và kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt với các nền tảng quốc gia như Cổng Dịch vụ công quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư, nền tảng thanh toán điện tử của Cổng Dịch vụ công quốc gia...; nâng cấp Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh với các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu và các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho việc đơn giản hóa TTHC và giải quyết TTHC trên môi trường điện tử. Đến nay, Cổng Dịch vụ công của tỉnh đã kết nối với 05 cơ sở dữ liệu chuyên ngành: cơ sở dữ liệu Đăng ký doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu về bảo hiểm; Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng dịch vụ người dân, doanh nghiệp: Thực hiện Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh về Kế

hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Định, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan liên quan triển khai thực hiện Đề án; chuẩn bị hạ tầng để kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi có yêu cầu; đồng thời phối hợp kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin các hệ thống thông tin của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an đảm bảo cho việc triển khai kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và đã kết nối chính thức.

- Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh: Về hoạt động Trung tâm Giám sát đô thị thông minh (IOC) được giám sát thường xuyên, quản lý và theo dõi 08 dịch vụ (gồm: Dịch vụ giám sát an toàn thông tin; dịch vụ an ninh trật tự của đô thị; dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; dịch vụ giám sát, điều hành giao thông; dịch vụ phản ánh hiện trường; hệ thống giám sát dịch vụ công; Dashboard tổng hợp giám sát điều hành), định kỳ tổng hợp kết quả báo cáo các cấp kịp thời xử lý; phối hợp các đơn vị, khảo sát lắp đặt các màn hình trình diễn, thông tin tuyên truyền tại một số vị trí trọng điểm trên địa bàn thành phố. Ngoài ra, tiến hành khảo sát và lắp đặt màn hình trình diễn phục vụ thông tin, tuyên truyền tại Bộ phận 01 cửa của 03 đơn vị thị xã Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn và huyện Tuy Phước; đồng thời, khảo sát vị trí, phương án lắp đặt trụ gắn camera kiểm soát vào/ra trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng Trung tâm Giám sát đô thị thông minh giai đoạn 3.

- Về đào tạo, bồi dưỡng nhân lực: Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT hiện có trong các cơ quan đảng, nhà nước đảm bảo 100% các sở, ngành và UBND cấp huyện đều có cán bộ quản trị mạng. Bên cạnh đó, Sở tập trung bồi dưỡng về kiến thức về chuyển đổi số cho 240 Lãnh đạo UBND cấp xã; thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại 1.176 thôn/xóm với 4.353 người tham gia; tổ chức 02 đợt tập huấn, hướng dẫn phổ cập kỹ năng số cộng đồng đến thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng (Các nội dung tổ chức hướng dẫn gồm: Sử dụng DVCTT; Thanh toán không dùng tiền mặt; Mua bán trên sàn thương mại điện tử Postmart và Voso; dịch vụ phản ánh hiện trường ĐTTM; nền tảng Cốc Cốc); 05 lớp tập huấn về kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức cấp xã, thôn tại các địa phương: Thị xã An Nhơn, các huyện: Hoài Ân, Tây Sơn, Tuy Phước, Phù Mỹ.

- Về cấp phát và quản lý chữ ký số: Đến nay, toàn tỉnh đã cấp 3.800 chữ ký số chuyên dùng cá nhân và 712 chữ ký số chuyên dùng tổ chức và hơn 600 sim PKI cho các cá nhân; 100% các cơ quan nhà nước, đoàn thể từ cấp tỉnh đến cấp xã và cá nhân lãnh đạo từ cấp phòng trở lên để thực hiện ký số văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng thay thế văn bản giấy.

- Về hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số các ngành: Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh triển khai “Chương trình phối hợp hoạt động về thúc đẩy triển khai chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026”; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định; Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai dịch vụ công trực tuyến đối với các TTHC thuộc lĩnh vực đất đai, kết

nội CSDL qua LGSP của tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Sở Y tế triển khai kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế...

- Về công tác an toàn thông tin mạng tiếp tục duy trì và chú trọng thực hiện. Trong đó, UBND tỉnh phê duyệt cấp độ hệ thống thông tin cấp độ 3 đối với 02 hệ thống thông tin (Hệ thống thông tin Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; Hệ thống thông tin Dịch vụ công và một cửa điện tử tỉnh theo Quyết định số 4454/QĐ-UBND ngày 08/11/2021); đến nay, đã có 25 cơ quan, đơn vị đã thực hiện xác định, phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin do đơn vị là chủ quản; tổ chức 05 cuộc Diễn tập thực chiến và ứng cứu sự cố an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bình Định năm 2022; tiếp tục cảnh báo lỗ hổng trên môi trường mạng và báo cáo kết quả thực hiện công tác triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kiểm tra, đánh giá công tác đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động trên không gian mạng và tuân thủ các phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với hệ thống thông tin của 04 cơ quan, bao gồm: UBND TP. Quy Nhơn, UBND Thị xã An Nhơn, UBND huyện An Lão, Vĩnh Thạnh. Qua đó, đưa ra các khuyến nghị, cảnh báo về các nguy cơ đe dọa đến mất an toàn thông tin trong xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; Phối hợp với Công an tỉnh kiểm tra bảo vệ bí mật nhà nước và an toàn thông tin trên không gian mạng tại 04 sở, ban, ngành và 05 địa phương trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đã chấn chỉnh các mặt còn hạn chế trong công tác đảm bảo an toàn thông tin và hoạt động trên môi trường mạng và đưa ra các khuyến nghị cụ thể để tối ưu các hệ thống thông tin nội bộ của đơn vị phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số trong thời gian tới.

- Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai Nghị định số 42/2022/NĐ-CP; trong đó có nhiệm vụ tổng rà soát, công bố mục 912 dịch vụ công trực tuyến toàn trình (716 dịch vụ công cấp tỉnh, 134 dịch vụ công cấp huyện và 62 dịch vụ công cấp xã); 716 dịch vụ công trực tuyến một phần (504 dịch vụ công cấp tỉnh, 154 dịch vụ công cấp huyện và 58 dịch vụ công cấp xã). Đồng thời, thường xuyên đôn đốc việc thực hiện để tỷ lệ phát sinh giao dịch đảm bảo theo quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo⁴⁰ các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp, tạo điều kiện cho Ban Thường vụ Tỉnh đoàn và tổ chức Đoàn Thanh niên các cấp triển khai thực hiện Đề án “Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 giai

⁴⁰ Lồng ghép trong các văn bản chỉ đạo công tác CCHC (Công văn số 3575/UBND-KSTT ngày 27/6/2022 về việc triển khai Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 5733/UBND-KSTT ngày 04/10/2022 về việc một số vấn đề liên quan đến việc cấp, sử dụng “tài khoản định danh điện tử mức độ 2” trên địa bàn tỉnh) hoặc bằng các văn bản riêng (Công văn số 3828/UBND-KSTT ngày 07/7/2022 về việc tăng cường phối hợp thực hiện Đề án 5299; Công văn số 4535/UBND-KSTT ngày 8/8/2022 về việc giải quyết các đề xuất, kiến nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn đối với việc thực hiện Đề án 5299; Công văn số 6564/UBND-KSTT ngày 06/11/2022 về việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án 5299).

đoạn 2022 – 2027” ban hành kèm theo Quyết định số 5299/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh đoàn cũng đã ban hành Kế hoạch số 513-KH/TĐTN-TTNTH ngày 25/4/2022 với nhiều nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo bám sát vào nội dung Đề án 5299 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Nhờ đó, tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến của tỉnh Bình Định đến nay đã đạt **54%**; đảm bảo theo chỉ tiêu theo quy định tại “Chương trình hành động của 09 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 – 2025” (quy định tỷ lệ tối thiểu **50%**) và tại “Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022” (quy định tỷ lệ **50%**).

Đến nay, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 100% Bộ phận Một cửa cấp huyện, 100% Bộ phận Một cửa cấp xã đã triển khai áp dụng biên lai, hóa đơn điện tử thay thế cho biên lai, hóa đơn giấy; thực hiện đưa vào sử dụng dịch vụ chữ ký số từ xa trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, nhằm khuyến khích, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ ký số từ xa để thực hiện các TTHC trên môi trường điện tử.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Công tác cải cách hành chính đã được các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực. Việc xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số được đẩy mạnh đã phát huy hiệu quả tích cực, bảo đảm thông tin thông suốt, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Những kết quả đạt được trong cải cách hành chính đã góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp, qua đó đã phát huy nội lực, thu hút tốt nguồn lực bên ngoài, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hằng năm.

2. Một số hạn chế và khó khăn, vướng mắc

- Theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế - dân số; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác (có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2021) thì đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, giá dịch vụ sự nghiệp công được xác định theo quy định của pháp luật về giá, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và lộ trình tính giá theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Nghị định này.

Tuy nhiên, hiện nay, các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công chưa được các bộ, ngành trung ương ban hành đầy đủ; do đó, các đơn vị tại địa phương rất lúng túng trong việc xây dựng, ban hành và xác định giá dịch vụ sự nghiệp công; quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác chưa được ban hành dẫn đến khó khăn

trong việc đánh giá các đơn vị sự nghiệp công lập; một số đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn tư tưởng phụ thuộc vào kinh phí ngân sách nhà nước cấp, chưa chủ động trong thực hiện nhiệm vụ, các giải pháp tăng thu, tiết kiệm chi; việc huy động nguồn vốn vay, vốn liên doanh, liên kết để phát triển hoạt động sự nghiệp tại các đơn vị còn hạn chế.

- Nhân lực về công nghệ thông tin, triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng tại các cơ quan, đơn vị còn nhiều bất cập; nhiều rủi ro có thể xảy ra khi triển khai xây dựng chính quyền số trên diện rộng.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với công tác cải cách hành chính; xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách hành chính. Tiếp tục hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành, thúc đẩy chuyển đổi số gắn với đẩy mạnh công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định.

2. Tiếp tục nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm các văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành nhanh chóng đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả kịp thời trong quản lý nhà nước. Chú trọng công tác rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương và tỉnh ban hành nhằm sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp.

3. Đẩy mạnh công tác cải cách TTHC theo hướng công khai, minh bạch, kiểm soát chặt chẽ quy trình giải quyết TTHC. Thường xuyên rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC; đẩy mạnh thực hiện phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quyết định số 468/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; kiểm soát tốt trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị trong quy trình liên thông giải quyết TTHC, đề cao trách nhiệm người đứng đầu cơ quan đầu mối. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra, giám sát cấp dưới trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ, nhất là trong việc giải quyết công việc của người dân, tổ chức.

4. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp theo hướng tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); thực hiện tinh giản biên chế theo hướng thực chất, đưa ra khỏi bộ máy những trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao. Sắp xếp, chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng lộ trình, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Xây dựng đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo đúng quy định của nghị quyết do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

5. Tập trung nâng cao chất lượng, năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo kết quả công việc; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, nhằm thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; thực hiện nghiêm các quy định trình tự, thủ tục và tiêu chuẩn chức danh khi bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ; định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ chuyên môn theo quy định. Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

6. Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các thông tư hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Từng bước chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên; thực hiện quản lý, kế toán theo mô hình doanh nghiệp để giảm mạnh tỉ trọng, nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thành cơ bản việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần (trừ các cơ sở y tế công lập và cơ sở giáo dục công lập). Đẩy mạnh xã hội hoá, nhất là trong các ngành, lĩnh vực và địa bàn mà khu vực ngoài công lập làm được và làm tốt; huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển lành mạnh thị trường dịch vụ sự nghiệp công và có chính sách thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển dịch vụ sự nghiệp công.

7. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025 định hướng đến năm 2030. Xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu, nền tảng ứng dụng dùng chung của tỉnh. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý đảm bảo kết nối và chia sẻ dữ liệu, thông tin chỉ đạo, điều hành từ UBND tỉnh, đến các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã. Nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công trực tuyến toàn phần; đẩy mạnh thực hiện số hóa hồ sơ TTHC. Thúc đẩy nhanh việc thực hiện và phát triển các dịch vụ theo mô hình đô thị thông minh đối với thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn hiệu quả, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế từng địa phương.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành ban hành theo thẩm quyền hoặc sửa đổi, bổ sung: Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ công do nhà nước quản lý; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công làm cơ sở cho các địa phương tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện.

2. Kiến nghị Bộ Nội vụ xem xét, phân cấp cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên được quyết định số lượng vị trí việc làm mà các vị trí này sử dụng nguồn thu dịch vụ để chi trả (không sử dụng ngân sách).

3. Đối với nhiệm vụ do của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao cho UBND tỉnh Bình Định tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/3/2022, kính

đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông sớm công bố các nền tảng đáp ứng tiêu chí nền tảng số quốc gia để làm cơ sở cho địa phương triển khai thực hiện.

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nội vụ xem xét tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ CTHĐ 09 của Tỉnh ủy;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Bình Định;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục I
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / / 2022 của UBND tỉnh Bình Định)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	90	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	35	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	35	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	6	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	20	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	20	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Cơ quan, đơn vị	4	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	100	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	127	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	123	04 nhiệm vụ đang giải quyết (trong hạn)
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	4.960	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL⁴¹ do địa phương ban hành	Văn bản	178	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	111	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	67	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	67	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	71	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	71	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	71	

⁴¹Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	37	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	126	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	104	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	1551	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	383	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	170	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	395	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	175	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	-	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,95	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	85.577	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	85.537	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,79	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	156.680	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	156.345	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,67	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	332.169	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	331.070	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	46	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	42	(Còn 04 PAKN đang giải quyết còn trong hạn)

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	3	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	-	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	733	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>7</i>	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>125</i>	
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>601</i>	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	<i>%</i>	<i>-</i>	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.205	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2.052	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	159	Đã giảm 18 người so với năm 2015
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	-	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,2	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	26.479	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	24.285	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	541	Giải quyết chế độ chính sách tinh giản cho 45 người
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	11,82	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	22/22	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	733/733	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	26	Sát hạch tiếp nhận vào làm công chức 18 trường hợp
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	4	Tiếp nhận để bổ nhiệm lãnh đạo, quản lý
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	694	Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức tuyển dụng
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	-	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	13	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	42,14%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	19.614.898	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	12.207.074	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	732	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	8	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	35	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	180	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>9</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>30</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>141</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	509	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	<i>100</i>	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	<i>100</i>	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	<i>100</i>	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%		
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	<i>100</i>	
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	<i>100</i>	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	332	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	332	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	89	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	908	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	908	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	223	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	60,81	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	1240	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	754	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ	%	59,74	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i>			
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>184.856</i>	
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>110.441</i>	
6.8.	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	<i>%</i>	<i>100</i>	
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>651</i>	
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>651</i>	

Phụ lục II
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / / 2022 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Thời gian hoàn thành
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH			
1	Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022.	Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 29/3/2022	Sở Nội vụ	Hoàn thành
2	Kế hoạch truyền thông công tác cải cách hành chính năm 2022.	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 17/3/2022	Sở Thông tin và Truyền thông	Hoàn thành
3	Kế hoạch phát động phong trào thi đua cải cách hành chính giai đoạn 2022 - 2025.	Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 08/3/2022	Sở Nội vụ	Hoàn thành
4	Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá chỉ số hành chính và đo lường sự hài lòng của tổ chức, công dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	Công văn số 667/VPUBND-KSTT ngày 25/11/2022	Sở Nội vụ	Hoàn thành
5	Kế hoạch nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) giai đoạn 2022-2025.	Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 05/10/2022	Sở Nội vụ	Hoàn thành
6	Khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2022.	Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 23/9/2022	Sở Nội vụ	Hoàn thành
7	Triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2022 đối với các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh; các sở, ngành thuộc tỉnh; UBND	- Quyết định số 2535/QĐ UBND ngày 11/8/2022 về việc ban hành Bộ Chỉ số đánh	Sở Nội vụ	Hoàn thành

	các huyện, thị xã, thành phố.	<p>giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.</p> <p>- Quyết định số 3241/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính của các cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố và một số cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.</p>		
8	Khảo sát đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh các sở, ngành, địa phương (DDCI) năm 2022.	<p>Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 ban hành Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Bình Định</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hoàn thành
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ			
9	Ban hành và triển khai thực hiện: Kế hoạch ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch theo dõi thi hành	<p>- Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa</p>	Sở Tư pháp	Hoàn thành

	pháp luật năm 2022.	bàn tỉnh Bình Định. - Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định.		
10	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật năm 2022.	Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Sở Tư pháp	Hoàn thành
11	Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Dự kiến hoàn thành trong tháng 12/2022 (Sở Tư pháp đã có Tờ trình số 97/TTr-STP ngày 16/9/2022)
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
12	Đề án “Thí điểm triển khai mô hình chính quyền thân thiện phục vụ công dân thực hiện thủ tục hành chính giai đoạn 2022-2025”.	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Đã hoàn thiện dự thảo. UBND tỉnh đang xem xét phê duyệt.
13	Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022.	Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 ban	Văn phòng UBND tỉnh	Hoàn thành

		hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định.		
14	Ban hành Quy định thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực: Đăng ký kinh doanh - An ninh trật tự - Karaoke/vũ trường.	Quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 ban hành Quy chế thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn tỉnh Bình Định	Văn phòng UBND tỉnh	Hoàn thành
15	Ban hành giải pháp nâng cao chất lượng công tác giải quyết thủ tục phê duyệt kết quả đấu giá đất và trường hợp giao đất tái định cư.	Văn phòng UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 172/VPUBND-KSTT ngày 04/4/2022 đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét xây dựng quy trình nội bộ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp trúng đấu giá, tái định cư. Trên cơ sở đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng dự thảo quy trình nội bộ, báo cáo UBND tỉnh. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 3687/UBND-KSTT ngày 01/7/2022, trong đó giao Văn phòng UBND	Văn phòng UBND tỉnh	Đã hoàn thiện dự thảo. UBND tỉnh đang xem xét phê duyệt.

		tỉnh phối hợp, hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện dự thảo Quy trình nội bộ giao đất, cho thuê đất qua đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất ở tái định cư, Văn phòng UBND tỉnh đã có văn bản góp ý, Sở Tài nguyên và Môi trường đang tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu và hoàn thiện dự thảo.		
16	Kế hoạch thực hiện Đề án “Phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính”.	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Hoàn thành
17	Đề án đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Quyết định của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Hoàn thành
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC			
18	Đề án sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.	- UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1568/UBND-NC ngày 28/3/2022 về việc triển khai thực hiện Công điện số 209/CĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Các sở, ngành, địa phương	Hoàn thành (Tiếp tục thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh theo quy định của Trung ương)

		- Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
19	Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	<p>UBND tỉnh đã ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của: 16 cơ quan</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sở Tư pháp (Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh); 2. Sở Nội vụ (Quyết định số 63/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021) 3. Sở Giáo dục và Đào tạo (Quyết định số 88/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021) 4. Sở Tài nguyên và Môi trường (Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 07/01/2022) 5. Sở Khoa học và Công nghệ (01/2022/QĐ-UBND ngày 07/01/2022) 6. Sở Ngoại vụ (12/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022) 7. Ban Dân tộc (13/2022/QĐ- 	Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh	Hoàn thành (Tiếp tục thực hiện sau khi có Thông tư của Bộ, ngành Trung ương)

		<p>UBND ngày 05/4/2022)</p> <p>8. Sở Lao động - Thương binh &XH (14/2022/QĐ-UBND ngày 05/4/2022)</p> <p>9. Sở Y tế (21/2022/QĐ-UBND ngày 16/5/2022)</p> <p>10. Sở Tài chính (25/2022/QĐ-UBND ngày 31/5/2022)</p> <p>11. Sở Du lịch (56/2022/QĐ-UBND ngày 09/9/2022)</p> <p>12. Sở Công Thương (50/2022/QĐ-UBND ngày 12/8/2022)</p> <p>13. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (54/2022/QĐ-UBND ngày 19/8/2022)</p> <p>14. Sở Văn hóa và Thể thao (57/2022/QĐ-UBND ngày 12/9/2022)</p> <p>15. Sở Kế hoạch và Đầu tư (58/2022/QĐ-UBND ngày 13/9/2022)</p> <p>16. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (70/2022/QĐ-UBND ngày 31/10/2022)</p>		
20	Quy định về phân cấp, phân quyền về quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.	<p>1. Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND tỉnh Bình Định về Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm</p>	Các sở, ngành thuộc UBND tỉnh	Hoàn thành (Tiếp tục thực hiện sau khi có hướng dẫn của Trung ương)

		<p>vi quản lý của UBND tỉnh Bình Định.</p> <p>2. Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 13/06/2022 của UBND tỉnh Bình Định về ủy quyền phê duyệt miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công cách mạng trên địa bàn tỉnh Bình Định.</p> <p>3. Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh Bình Định về ủy quyền thực hiện một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường</p> <p>4. Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 01/06/2022 của UBND tỉnh Bình Định về ủy quyền thực hiện một số thủ tục hành chính trên lĩnh vực môi trường.</p>		
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ			
21	Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2022.	Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 17/02/2022 ban hành Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022	Sở Nội vụ	Hoàn thành
22	Quy định sửa đổi, bổ sung chính sách thu hút đối với bác sĩ, dược sĩ trên địa bàn tỉnh.	Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh về việc kéo dài	Sở Nội vụ	Hoàn thành

		thời gian thực hiện Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 ban hành Quy định về chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, được sĩ giai đoạn 2016 -2021.		
23	Đề án thi tuyển cạnh tranh vào các vị trí quản lý cấp phòng, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ban, ngành.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Dự kiến hoàn thành trong tháng 12/2022 (Sở Nội vụ đã có Tờ trình số 686/TTr-SNV ngày 29/11/2022)
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG			
24	Quy định về khung giá dịch vụ sự nghiệp công lập theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương.	Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ngành, địa phương	Sau khi có hướng dẫn của Trung ương
25	Đề án thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.	Quyết định của UBND tỉnh	Các cơ quan có liên quan	Hoàn thành (Hiện nay, có tổng cộng 90 đơn vị (khối tỉnh) được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số

				60/2021/NĐ-CP của Chính phủ ⁴² . Tiếp tục thực hiện trong thời gian tới)
26	Thực hiện chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Tài chính	Hoàn thành (Tiếp tục thực hiện trong thời gian tới)
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ			
27	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/04/2022	Sở Thông tin và Truyền thông	Hoàn thành
28	Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh năm 2022.	Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 04/4/2022 về Chuyển đổi số 2022 của tỉnh Bình Định	Sở Thông tin và Truyền thông	Hoàn thành
29	Đề án số hóa dữ liệu chuyên ngành (ưu tiên các lĩnh vực tài nguyên môi trường, xây dựng, dự án đầu tư) và tích hợp lên các nền tảng số, kết nối, chia sẻ CSDL chuyên ngành với trực LGSP của tỉnh phục vụ công tác chuyển đổi số.	- Lĩnh vực Tài nguyên môi trường ⁴³ : + Sở Thông tin và Truyền thông đã hỗ trợ Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai dịch vụ công trực tuyến	Các sở, ngành có liên quan	Hoàn thành

⁴² 07 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 11 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 54 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 18 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

⁴³ Thực hiện Công văn số 8238/UBND-KSTT ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Văn bản số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021.

		đối với các TTHC thuộc lĩnh vực đất đai, kết nối CSDL qua LGSP của tỉnh. + Sở Tài nguyên và Môi trường đang thực hiện việc rà soát, xây dựng đề án số hóa tài liệu chuyên ngành. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh từng bước thực hiện, tái cấu trúc và xây dựng dữ liệu số công tác cấp Giấy chứng nhận ⁴⁴ .		
30	Kế hoạch thực hiện nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Y tế thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, đảm bảo điều kiện tham gia vào mạng lưới Y tế thông minh toàn quốc.	Quyết định số 75/KH-UBND ngày 19/5/2022	Sở Y tế	Hoàn thành
31	Kế hoạch thực hiện nền tảng số, hoàn thiện và phát triển dịch vụ Giáo dục thông minh phổ cập đến cấp cơ sở, sẵn sàng tham gia vào mạng lưới Giáo dục thông minh toàn quốc.	Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 10/5/2022	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hoàn thành
32	Kế hoạch nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh đảm bảo liên kết, tích hợp các Cổng/Trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương.	Công văn số 156/VPUBND-TTTHCB ngày 27/03/2022 thông báo hoàn thành việc nâng cấp Cổng TTĐT và đề nghị các cơ quan, đơn vị cung cấp một số thông tin để	Văn phòng UBND tỉnh	Hoàn thành

⁴⁴ Tại Văn phòng Đăng ký đất đai đã bước đầu triển khai và thực hiện một phần việc cụ thể là triển khai số hóa việc chuyển hồ sơ và in giấy chứng nhận qua mạng (đã thực hiện 10/11 đơn vị cấp huyện). Bước đầu có khối lượng hồ sơ giấy được scan quét và lưu trữ tập trung trên hệ thống máy chủ, lưu trữ dạng thư mục có cấu trúc định danh có thể tìm kiếm được và có thể xây dựng thành hồ sơ số hóa theo hướng dẫn của Văn phòng chính phủ. Dữ liệu hồ sơ quét hơn 4.000 GB (bao gồm dữ liệu hồ sơ quét lưu trữ từ dự án VLAP, dữ liệu hồ sơ quét thực hiện công tác in và cấp giấy chứng nhận qua mạng, dữ liệu hồ sơ quét do các đơn vị thi công các công trình, dự án đo đạc và cấp giấy chứng nhận giao nộp ...)

		hoàn thiện Cổng TTĐT		
33	Đề án mô hình Trung tâm dữ liệu dùng chung.	Quyết định 3196/UBND-VX ngày 09/6/2022 Chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh Bình Định	Sở Thông tin và Truyền thông	Hoàn thành
34	Kế hoạch triển khai: Nền tảng họp trực tuyến, Nền tảng làm việc, cộng tác trên môi trường số dựa trên Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ, nền tảng trợ lý ảo, đảm bảo kế thừa các hệ thống thông tin được xây dựng tại địa phương.	Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 04/4/2022 về Chuyển đổi số 2022 của tỉnh Bình Định	Sở Thông tin và Truyền thông	Hoàn thành
35	Đề án triển khai mô hình đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030.	Quyết định 5151/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 Ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định, phiên bản 1.0	Sở Thông tin và Truyền thông	Hoàn thành